

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-PT

Ngày 23 tháng 6 năm 2025

*“Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền
sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thủy; bà Ma Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Phan Thị Hồng
Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2024/TLPT-DS, ngày 24
tháng 12 năm 2024, về việc *“Yêu cầu **hủy** hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và
tài sản gắn liền với đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án
nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2025/QĐ-PT, ngày
24 tháng 02 năm 2025; Thông báo hoãn phiên tòa số 40/DSPT-TB ngày 20/3/2025;
Thông báo hoãn phiên tòa số 49/DSPT-TB ngày 16/4/2025; Thông báo hoãn phiên
tòa số 53/DSPT-TB ngày 05/5/2025; Thông báo thời gian mở phiên tòa số 09/TB-
TA ngày 07/5/2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày
13/5/2025; Quyết định tạm ngừng số 12/2025/QĐPT-DS ngày 20/5/2025; Quyết
định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐ-PT ngày 18/6/2025
của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị M, sinh năm 1958. Địa chỉ: Xóm A, xã T,
huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* ***Bị đơn:*** Bà Đỗ Kim H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố A,
phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1976 (đồng thời là người đại diện theo uỷ
quyền của bà Đỗ Kim H; ông Nguyễn Trung T; bà Nguyễn Thị Thu H1);

- Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1979;

- Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Ông L có mặt; ông T, bà H1 vắng mặt.

- Văn phòng C Địa chỉ: Số nhà D, đường Q, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Do bà Đinh Thị B – Trưởng Văn phòng làm đại diện theo pháp luật. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Phạm Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:*

Ngày 02/10/2013, bà (Phạm Thị M) mua đất ở của vợ chồng ông Nguyễn Hoài A, sinh năm 1945 và bà Đỗ Kim H sinh năm 1951, cư trú tại tổ B (nay là tổ A), phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang mục đích để làm nhà ở. Sau khi hai bên làm giấy mua bán xong, bà H bảo bà sang nhà ông K tổ trưởng lấy xác nhận của tổ dân phố, sau đó bà trả trước 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) cho bà H, bà H nói sau khi đi trả tiền ngân hàng X sẽ làm thủ tục cho bà. Sau đó một thời gian không thấy bà H làm thủ tục cho mình, qua tìm hiểu bà được biết bà H đã bán mảnh đất trên cho bà Nguyễn Thị H2, cư trú tại tổ B, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Bà đã yêu cầu bà H trả lại số tiền 200.000.000 đồng nhưng bà H không trả. Đến ngày 20/10/2015, bà làm đơn khởi kiện, bà H hứa mỗi tháng sẽ trả bà M 50.000.000 đồng nên bà rút đơn khởi kiện, nhưng bà H vẫn không thực hiện. Đến ngày 27/6/2019, sau khi đòi tiền bà H nhiều lần không thành, bà tiếp tục làm đơn khởi kiện bà H ra Tòa án, trong quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, bà được biết bà H đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho con gái là Nguyễn Thị Thu H1, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với bà. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/12/2020 giữa bà Đỗ Kim H, ông Nguyễn Hoài A và chị Nguyễn Thị Thu H1, được Văn phòng C1, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 18/12/2020.

** Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Huy L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Kim H trình bày:*

Sự việc bắt đầu từ năm 2012 khi vợ ông (L) là bà Mai Diệu T1 vay tiền bà M nhiều lần tổng cộng hơn 300.000.000 đồng, sau khi đã trả được một phần còn nợ là 200.000.000 đồng. Sau đó, vì bà T1 làm ăn thua lỗ, không còn khả năng trả nợ nên mẹ đẻ của ông là bà Đỗ Kim H đã đồng ý đứng ra trả nợ giúp bà T1, với điều kiện là bà M sẽ mua 01 mảnh đất của gia đình ông L với giá 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), trong đó sẽ trừ cho bà M số tiền 200.000.000 đồng bà T1 vay bà M, số tiền còn lại là 150.000.000 đồng bà M phải có trách nhiệm thanh toán cho gia đình ông L. Nhưng do bà M không có tiền để thanh toán cho bà H nên gia đình ông L không giao đất cho bà M được. Bà M có 01 tờ giấy viết tay của bà H, trong đó có nội dung bà M đưa cho bà H 200.000.000 đồng, nhưng thực chất đây là số tiền bà T1 nợ bà M. Năm 2019 bà M đã khởi kiện bà H ra Tòa án, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 và Bản án dân sự phúc thẩm số 31/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên

Quang đã buộc bà H phải trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M đề nghị hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/12/2020 giữa bà Đỗ Kim H, ông Nguyễn Hoài A và chị Nguyễn Thị Thu H1, được Văn phòng C1, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 18/12/2020 thì ông (L) không nhất trí, vì việc tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Trung T nhất trí với quan điểm của ông L và xác định: Việc ông A (đã chết), bà H cho tặng bà H1 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là hoàn toàn bình thường, công khai, đúng quy định của pháp luật và được Văn phòng C1 công chứng ngày 18/12/2020. Thời điểm cho tặng, tài sản không bị phong tỏa và không cầm cố, không có tranh chấp. Nên không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị M.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng do bà Đinh Thị B đại diện trình bày:*

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/12/2020 giữa bà Đỗ Kim H, ông Nguyễn Hoài A và chị Nguyễn Thị Thu H1, được Văn phòng C1, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 18/12/2020 được Công chứng viên soạn thảo theo yêu cầu của người công chứng. Văn phòng C1 đã tuân thủ các quy định tại Điều 41 Luật Công chứng, đã kiểm tra tư cách chủ thể, năng lực hành vi của người yêu cầu công chứng, thể thức văn bản của hợp đồng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, hồ sơ công chứng bao gồm: Phiếu yêu cầu công chứng, trong đó có thông tin về họ tên, địa chỉ người yêu cầu công chứng, nội dung cần công chứng, danh mục giấy tờ gửi kèm theo; tên tổ chức hành nghề công chứng, họ tên người tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, thời điểm tiếp nhận hồ sơ; bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng; bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản. Quá trình tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng công chứng đã tra cứu trên cơ sở dữ liệu công chứng thông tin của các hợp đồng giao dịch, kết quả tra cứu thể hiện tại thời điểm công chứng các tài sản mang tên bà Đỗ Kim H và ông Nguyễn Hoài A không có thông tin ngăn chặn. Theo quy định tại Điều 41 và 42 Luật Công chứng và Bộ luật Dân sự thì tài sản trên thuộc trường hợp được phép giao dịch, tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ tài sản trên không có thông tin ngăn chặn, vậy nên đủ điều kiện để Văn phòng C1 chứng nhận hợp đồng giao dịch. Yêu cầu hủy bỏ hợp đồng của nguyên đơn bà Phạm Thị M là không có căn cứ.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST, ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 93, 94, 95, 96 147, 184, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, 117, 457, 459 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật Đất đai 2013; các Điều 17, 41, 44, 46, 48 Luật Công chứng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 328, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1, thành phố T giữa bà Đỗ Kim H, ông Nguyễn Hoài A và chị Nguyễn Thị Thu H1.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị M kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 328, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1, thành phố T giữa bà Đỗ Kim H, ông Nguyễn Hoài A và chị Nguyễn Thị Thu H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Ông Nguyễn Huy L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Kim H, bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Trung T trình bày: Ông không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị M; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án, người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Người kháng cáo bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo còn trong thời hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung Bản án sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bà M là người cao tuổi nên **được miễn nộp án phí theo quy định.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 07/10/2024, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị M. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nguyên đơn bà Phạm Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo về việc kháng cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về thành phần tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Đỗ Kim H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T2, bà Nguyễn Thị Thu H1 vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Huy L tham gia phiên tòa, ông L nhất trí xét xử vắng mặt bà H, ông T2, bà H1; người đại diện theo pháp luật của Văn phòng C1 vắng mặt, các đương sự nhất trí xét xử vắng mặt Văn phòng công chứng. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch dân sự tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/12/2020 đối với quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 44, diện tích 534,9m²; địa chỉ thửa đất tại tổ B (nay là tổ A), phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BV 444738, số vào sổ cấp giấy CNQSD đất: CH 002246/TH giữa bà Đỗ Kim H, ông Nguyễn Hoài A và chị Nguyễn Thị Thu H1, được Văn phòng C1, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 18/12/2020 được thực hiện trong thời gian Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đang giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 97/2019/TLST-DS ngày 19/7/2019, giữa nguyên đơn là bà Phạm Thị M và bị đơn là bà Đỗ Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Tại Bản án sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M, tuyên: Giấy chuyển nhượng đất lập ngày 01/10/2013 vô hiệu, buộc bà Đỗ Kim H trả cho bà Phạm Thị M số tiền 200.000.000 đồng, bà M đã kháng cáo; Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử và ban hành Bản án phúc thẩm số 31/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị M, giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ban hành biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 44, diện tích 534,9m²; địa chỉ thửa đất tại tổ B (nay là tổ A), phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BV 444738, số vào sổ cấp giấy số CH 002246/TH do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 26/05/2016 mang tên bà Đỗ Thị H3 và ông Nguyễn Hoài A. Bản án phúc thẩm số 31/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực từ ngày tuyên án;

Toà án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh việc thi hành án thể hiện: Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang đang tổ chức thi hành Bản án sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang và Bản án phúc thẩm số 31/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh

Tuyên Quang đối với bà Đỗ Kim H, nhưng thuộc diện án chưa có điều kiện thi hành.

Như vậy, khi cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án không thực hiện kê biên đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 44 nêu trên; do đó đối tượng của hợp đồng tặng cho tại thời điểm công chứng không có thông tin ngăn chặn, thuộc tài sản được phép giao dịch.

Về yêu cầu hủy bỏ hợp đồng: Theo quy định tại Điều 423 Bộ luật Dân sự thì một trong các bên tham gia hợp đồng có quyền hủy bỏ hoặc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng. Trong trường hợp này bà M không phải là một trong các bên tham gia ký kết hợp đồng nên không có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng tặng cho giữa bà H, ông A với chị H1. Nếu có căn cứ xác định việc lập hợp đồng tặng cho giữa bà H, ông A với chị H1 làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích chính đáng của mình thì bà M có quyền yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Như vậy, trong vụ án này cần xác định lại quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vô hiệu” và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nếu có. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp không đúng, nhưng không làm thay đổi đến bản chất vụ án và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, nhưng cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm về nội dung này.

Từ những đánh giá nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị M. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bà M được miễn nộp án phí vì là người cao tuổi.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 18/12/2020, được Văn phòng C1, quyền số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 18/12/2020 giữa bà Đỗ Kim H, ông Nguyễn Hoài A và chị Nguyễn Thị Thu

H1, đối với quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 44, diện tích 534,9m²; địa chỉ thửa đất tại tổ B (nay là tổ A), phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BV 444738, vào sổ cấp giấy số CH 002246/TH ngày 27/11/2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Bà Đỗ Kim H không phải chịu án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 23/6/2025.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Thế